

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày: 28-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Phi;
- Ông Trần Văn Liêm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 583/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị G (tên gọi khác: G Đ), sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú: Ấp Hiệp L, xã Định H, huyện D, tỉnh B.

2. **Bị đơn:** Bà Hồ Thị Ph (tên gọi khác: Ph C), sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú: Ấp Định Th, xã Định A, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn (bà G), bị đơn (bà Ph) có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2023, bản tự khai ngày 03 tháng 11 năm 2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà G) trình bày: Bà G và bà Ph có mối quan hệ quen biết nên bà G có cho bà Ph mượn tiền nhiều lần, cụ thể:

+ Ngày 10/6/2022, bà G cho bà Ph vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), bà Ph hẹn đến cuối năm 2022 sẽ trả lại cho bà G nhưng bà Ph chỉ trả

cho bà G được số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) còn lại 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) đến nay bà Ph không trả;

+ Ngày 22/11/2022, bà G cho bà Ph vay số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), bà Ph hẹn đến ngày 22/12/2022 sẽ trả lại cho bà G nhưng đến nay bà Ph vẫn không trả;

+ Ngày 10/6/2023, bà G cho bà Ph vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn bà Ph thanh toán lại cho bà G vào ngày 10/10/2023 nhưng đến nay bà Ph vẫn không trả. Tổng cộng 03 (ba) lần bà G cho bà Ph vay theo 03 (ba) giấy vay tiền nêu trên là 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng) điều có chữ ký tên và chữ viết tên của bị đơn (bà Hồ Thị Ph). Vì vậy, bà G làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ph có trách nhiệm trả số tiền 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng) một lần cho bà G, bà G không yêu cầu tính lãi suất số tiền 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng) đối với bà Ph. Ngoài ra, bà G không có ý kiến gì khác.

- *Chứng cứ nguyên đơn (bà G) cung cấp gồm:* Đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy mượn tiền ngày 10/6/2022, giấy mượn tiền ngày 22/11/2022, giấy vay tiền ngày 10/6/2023. Ngoài ra, nguyên đơn (bà G) không cung cấp chứng cứ và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

* *Biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 02 năm 2024, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn (bà Ph) trình bày:* Ngày 10/6/2022, bà Ph có ký giấy mượn tiền của nguyên đơn (bà Phạm Thị G) số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Bà Ph thừa nhận chữ ký tên Ph và chữ viết họ và tên Hồ Thị Ph trên giấy mượn tiền ngày 10/6/2022 là của bà Ph ký và ghi họ và tên Hồ Thị Ph. Đối với giấy mượn tiền này bà Ph đã yêu cầu bà G viết lại giấy vay tiền ngày 10/6/2023 và bà Ph thừa nhận chữ ký tên Ph và chữ viết họ và tên Hồ Thị Ph trên giấy mượn tiền ngày 10/6/2023 này là của bà Ph ký và ghi họ và tên của bà Hồ Thị Ph. Đối với giấy mượn tiền ngày 22/11/2022 bà Ph có ký tên và ghi họ tên xác nhận có mượn của nguyên đơn (bà Phạm Thị G) số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) thì bà Ph đã trả cho nguyên đơn (bà Phạm Thị G) nhưng bà Ph không lấy lại giấy vay tiền này. Bà Ph thừa nhận chữ ký tên Ph và chữ viết họ và tên Hồ Thị Ph trên 03 (ba) giấy nợ ngày 10/6/2022, ngày 22/11/2022 và ngày 10/6/2023 là của bà Ph. Vì vậy, bà Ph không yêu cầu Tòa án trung cầu giám định đối với chữ ký tên và chữ viết họ tên của bà Ph trên 03 (ba) giấy vay tiền nêu trên. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà Ph chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn bà G số tiền 540.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi ngàn đồng), bà Ph không đồng ý trả cho nguyên đơn bà G số tiền 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng). Ngoài ra, bà Ph không có ý kiến gì khác.

- *Về chứng cứ bị đơn (bà Ph) không cung cấp chứng cứ và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.*

* *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại ấp Định Th, xã Định A, huyện D, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn cho bị đơn mượn tiền nhiều lần cụ thể: Ngày 10/6/2022, nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); ngày 22/11/2022, nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); ngày 10/6/2023 nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Tổng 03 (ba) lần nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 1.040.000.000 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng). Tuy nhiên, theo giấy mượn tiền ngày 10/6/2022 số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng), bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng). Hiện nay, tổng số tiền bị đơn nợ nguyên đơn theo 03 (ba) giấy mượn tiền nêu trên là 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng). Đến nay, đã quá thời hạn thanh toán tiền mượn lại cho nguyên đơn, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nhưng bị đơn không thanh toán mà bị đơn cố tình né tránh, không thực hiện.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng) một lần, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn cho rằng ngày 10/6/2022, bị đơn có ký giấy mượn tiền của nguyên đơn để mượn số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) nhưng do nguyên đơn yêu cầu bị đơn viết lại giấy vay tiền ngày 10/6/2023 đối với số tiền mượn 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và yêu cầu hai người con của bị đơn tên Liễu Thị Kim L và Liễu Thị Kim L2 cùng ký vào giấy mượn tiền nêu trên cho nguyên đơn để làm tin. Đối với giấy mượn tiền ngày 22/11/2022, bị đơn thừa nhận có mượn của nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) nhưng bị đơn đã trả cho nguyên đơn nhưng bị đơn không lấy lại giấy vay tiền này. Bị đơn cũng thừa nhận chữ ký tên Ph và chữ viết tên Hồ Thị Ph trên ba giấy mượn tiền ngày 10/6/2022, ngày 22/11/2022 và ngày 10/6/2023 là do chính bị đơn ký. Vì vậy, bị đơn không yêu cầu Tòa án trung cầu giám định đối với chữ ký tên và chữ viết họ tên của bị đơn trên ba giấy mượn nêu trên. Bị đơn cho rằng đối với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 10/6/2022 thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn, bị đơn chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 540.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi triệu đồng) và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền này, bị đơn không đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng). Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến gì khác.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp ba giấy mượn tiền ngày 10/6/2022, ngày 22/11/2022 và ngày 10/6/2023, có chữ ký tên, chữ viết họ và tên của bị đơn thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch cho vay, mượn tiền.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng) vào các ngày 10/6/2022, ngày 22/11/2022 và ngày 10/6/2023. Đồng thời, bị đơn cũng đã thừa nhận đó là chữ ký tên, chữ viết họ và tên của bị đơn trong ba giấy mượn tiền nêu trên. Vì vậy, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, bị đơn thừa nhận là có giá trị chứng minh. Đối với ý kiến trình bày của bị đơn cho rằng số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) của giấy mượn tiền ngày 10/6/2022 đã viết lại thành giấy mượn tiền ngày 10/6/2023 và số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 22/11/2022 bị đơn đã trả cho nguyên đơn rồi nhưng không lấy lại giấy mượn tiền nên không có chứng cứ gì chứng minh cho ý kiến trình bày của bị đơn, nguyên đơn không thừa nhận đã yêu cầu bị đơn viết lại giấy mượn tiền ngày 10/6/2023 và cũng không nhận số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 22/11/2022 của bị đơn. Đồng thời, ngày 26/02/2024, Tòa án cũng ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ 10/2024/QĐ-CCTLCC đối với bị đơn và cũng đã tổng đạt cho bị đơn cùng ngày (ngày 26/02/2024) nhưng đến nay bị đơn không nộp cho Tòa án bất cứ chứng cứ

gì để chứng minh cho lời trình bày của bị đơn. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ ý kiến trình bày của bị đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng) là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng) thanh toán cho nguyên đơn.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” của nguyên đơn bà Phạm Thị G (tên gọi khác: G Đ) đối với bị đơn bà Hồ Thị Ph (tên gọi khác: Ph C).

Buộc bà Hồ Thị Ph (tên gọi khác: Ph C) thanh toán cho bà Phạm Thị G (tên gọi khác: G Đ) số tiền 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/3/2024) cho đến khi thi hành án xong, kể từ ngày bà Phạm Thị G (tên gọi khác: G Đ) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hồ Thị Ph (tên gọi khác: Ph C) không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà Hồ Thị Ph (tên gọi khác: Ph C) còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Hồ Thị Ph (tên gọi khác: Ph C) phải nộp số tiền 32.400.000 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị G (tên gọi khác: G Đ) số tiền 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà

G đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0009614 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/3/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Ty

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Liêm Nguyễn Thị Kim Phi

Lê Long Ty